

## Khi Thực Dân Pháp Bóc Lột.

Người Việt đầu thế kỷ 20 trong hồi ký của một vị Toàn quyền Đông Dương: **Paul Doumer**

Nhằm cung cấp thêm một tài liệu về người Việt trong giai đoạn thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, dưới đây là một vài trích đoạn trong cuốn “**Xứ Đông Dương**” của vị Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer. Những cuốn sách viết về lịch sử Việt Nam của người Trung Quốc, người Pháp, người Mỹ... xưa nay không ít. Dĩ nhiên, là sách của người nước ngoài nên cách nhìn bao giờ cũng có chỗ khác biệt. Chính vì thế đó là một nguồn tài liệu đáng quý, giúp ta nhìn nhận sự việc được khách quan hơn.

### Đôi nét về Paul Doumer



Paul Doumer từng giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ 1897 đến 1902. Paul Doumer là một chính khách người Pháp, sinh năm 1857. Ông làm Toàn quyền Đông Dương từ 1897-1902. Cuốn hồi ký “Xứ Đông Dương” là một tài liệu quý viết riêng về hành trình, nhận định và trải nghiệm của ông trong giai đoạn 5 năm ở Đông Dương, mà phần lớn là ở Việt Nam (thời đó gọi là An Nam).

Về con người của Paul Doumer, ông là người có kiến thức nhiều lĩnh vực, là Bộ trưởng tài chính Pháp trước khi sang Đông Dương nhận chức Toàn quyền. Sau này ông còn làm Tổng thống Pháp từ 1931-1932. Quyển “Xứ Đông Dương” ghi lại nhiều nhận định của ông về nhiều mặt: địa lý, kinh tế, hành chính, con người, văn hóa... ở những nơi ông đi qua.

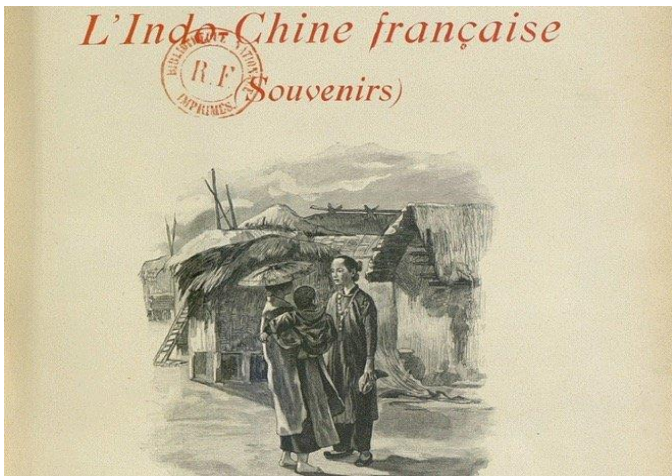
Để phục vụ nước Pháp hết mình, Doumer đã ra sức chấn chỉnh bộ máy quản lý ở các xứ thuộc địa, đồng thời xây dựng nhiều cơ sở hạ tầng tại Việt Nam, đáng chú ý như: cầu Doumer (sau đổi tên thành cầu Long Biên) – được coi là một kỳ quan của Đông Dương thời ấy, cầu Thành Thái (tức cầu Tràng Tiền) bắc qua sông Hương ở Huế và cầu Bình Lợi bắc qua sông Sài Gòn. Ông cũng chính là người đã ủng hộ và hậu thuẫn công việc nghiên cứu của Yersin, đồng ý xây dựng thành phố Đà Lạt và đưa cây cao su vào trồng. Dưới thời cai trị của Paul Doumer, Hà Nội là thành phố châu Á đầu tiên có điện.

Paul Doumer hành động hoàn toàn vì lợi ích của nước Pháp. Nhưng ông là một nhà kinh tế có tài và có tầm nhìn. Chính do vậy, người Pháp có lợi nhưng xứ thuộc địa cũng được hiện đại hóa, Tây phương hóa.

### Một số trích đoạn trong “Xứ Đông Dương”

Nói về người Việt:

Người An Nam chắc chắn là tộc người ưu trội so với các dân tộc xung quanh. Người Cao Miên, Ai Lao và Xiêm La đều không thể chống lại được họ. Không một dân tộc nào trong Đế quốc các xứ Ấn Độ có những phẩm chất như họ. Phải tới tận Nhật Bản mới có tộc người có phẩm chất của người An Nam và giống như người An Nam. Người An Nam và người Nhật Bản chắc chắn có mối quan hệ thân tộc từ xa xưa. Cả hai đều thông minh, cần cù và dũng cảm. Người lính An Nam là một người lính giỏi, có kỷ luật và dũng cảm. Họ cũng là những người lao động mẫn mức, những nông phu giỏi việc đồng áng, những người thợ lành nghề, những nghệ nhân khéo léo và thông minh. So với các dân tộc khác ở châu Á, trên tư cách người thợ và người lính, người An Nam vẫn xếp cao hơn một bậc. Và chẳng, đó là một quy luật chung mà tôi đã kiểm chứng trên khoảng 20 chủng tộc của nhân loại, và tôi cũng thấy rất đúng ở châu Âu: những người dũng cảm trong lao động cũng là những người dũng cảm trong chiến tranh; nói khác đi, can đảm là một tính cách thống nhất. Nếu người nào can đảm trước sự mệt mỏi, người đó sẽ can đảm trước nguy hiểm và trước cái chết.



## Về thiên nhiên Nam Kỳ:

Lớp đất trẻ, tương đối nông của Nam Kỳ đặc biệt thuận lợi cho việc trồng cây. Rất dễ canh tác trên đất đó, và đất đặc biệt phì nhiêu. Thời vụ diễn ra rất đều đặn. Thu hoạch hằng năm, chủ yếu là lúa, có biến đổi ít nhiều do những nguyên nhân không đáng kể; sản lượng năm này có thể cao hơn hoặc thấp hơn năm khác về số lượng hoặc về chất lượng nhưng ít nhất cũng luôn luôn được đảm bảo. Sản lượng thu hoạch đó dao động quanh một mức trung bình cao và không bao giờ xuống thấp hơn mức tối thiểu, vẫn còn cao hơn nhiều mức tiêu thụ của dân Nam Kỳ. Gạo bán ra nước ngoài, tức xuất khẩu, trong những năm tệ nhất không bao giờ dưới 700.000

tấn. Gạo xuất khẩu có thể đạt đến một triệu tấn, tính ra thành tiền từ khoảng 80 đến 100 triệu phò-răng. Hồ tiêu xuất khẩu cũng là một nguồn tài nguyên giá trị. Gạo là nguồn tài nguyên to lớn có thể thu được không mấy khó khăn; mỗi năm nông dân ở đây chỉ làm một vụ, và công việc đồng áng chỉ tập trung trong ba hoặc bốn tháng. Cả đến vận tải cũng được thực hiện trong những điều kiện dễ dàng và cực rẻ.

Đất Nam Kỳ chằng chịt hàng nghìn con sông lớn nhỏ, kênh, rạch chạy theo mọi hướng. Nam Kỳ là nơi bằng phẳng nên thủy triều ảnh hưởng như nhau tới tất cả các tuyến đường thủy. Như thế mỗi ngày hoạt động của triều lên và triều xuống làm cho các dòng chảy cứ sáu tiếng chảy theo chiều này và sáu tiếng chảy theo chiều ngược lại. Người An Nam lợi dụng điều đó để vận tải hàng hóa mà không mất công mất sức gì nhiều. Ghe xuống của họ xuôi dòng với sự trợ lực của buồm hoặc mái chèo vừa đủ để có thể lái được chúng. Khi thủy triều đổi hướng mà chưa tới được điểm đến thì họ bỏ neo hoặc buộc những chiếc tam bản vào bờ, bình tĩnh chờ thủy triều đưa dòng nước thuận đến, và cứ như thế cho cả chuyến đi lẫn chuyến về. Vận động thủy triều cung cấp lực miễn phí cho ngành giao thông đường thủy. Có lẽ không có quốc gia nào trên thế giới mà cư dân lại được thiên nhiên ưu đãi như Nam Kỳ.

## Về thành phố Sài Gòn:



Một nhóm binh sĩ hải quân Pháp trên đường phố Sài Gòn. Hình ảnh nằm trong loạt ảnh Đông Dương năm 1901 do nhiếp ảnh gia người Pháp Jules Gervais-Courtellemont thực hiện.

Ở Sài Gòn cũng có người Hoa, và nhiều là đảng khác, buôn bán to nhỏ đủ loại. Bên cạnh các cửa hiệu Pháp giống như các cửa hiệu ở tỉnh lẻ bên Pháp, tôi thấy các cửa hiệu Trung Hoa khiêm tốn hơn nhưng năng động hơn. Tất cả mọi thứ có trong cửa hiệu của thương nhân châu Âu và cả những thứ khác nữa đều

có bán tại cửa hiệu của người Hoa; nơi này sản xuất thứ gì thì nơi khác cũng sản xuất thứ đó. Đây là một cuộc cạnh tranh có lợi cho người tiêu dùng. Đối với các mặt hàng rẻ tiền, đối với các công việc đơn giản, sự cạnh tranh không còn nữa vì chỉ còn lại người Hoa. Khi ta muốn có những bộ quần áo lịch sự, một chiếc đầm đi dạo hoặc ăn tối, một bộ smoking mà không cần đặt từ Pháp sang thì thay vì tìm cô thợ may người Pháp, ta cứ đặt người Hoa ở đây may những chiếc váy nhẹ, những bộ quần áo bằng vải lạnh. Các dịch vụ giặt, là, mạy vá cũng là nghề của họ. Họ là những thợ khéo léo và quý hóa không từ chối một yêu cầu nào. Họ chịu làm mọi việc. Người An Nam ở Nam Kỳ không tranh việc với họ. Nam Kỳ quá giàu có, cuộc sống quá dễ dàng nên chỉ gắng sức tí chút là người ta đã tìm được việc. Người ta thấy chỉ có sự gia tăng dân số của người An Nam có thể dẫn tới việc dòng người đổ vào thành phố và đẩy lùi người Hoa. Nhưng cho đến nay, sự gia tăng đất canh tác thậm chí còn nhanh hơn sự gia tăng dân số nên hiện tượng trên không thể xảy ra.

Sài Gòn là một thành phố nhiệt đới xinh đẹp, thành phố duyên dáng nhất vùng Viễn Đông. Một số công trình nghệ thuật ở Sài Gòn rất đẹp; tất cả đều có kích thước lớn; nhà cửa nói chung khá xinh xắn, đường phố rợp bóng cây, tất cả như bị ngập trong một đại dương xanh. Nhìn từ trên cao xuống, từ chòi quan sát trên nóc một con tàu hoặc từ các tháp của nhà thờ, Sài Gòn hiện ra như một công viên rộng lớn, trong đó một vài tòa nhà

quá đồ sộ hoặc quá cao vượt lên khỏi những tán cây. Đây là Dinh Toàn quyền, các trại lính, bệnh viện, Sở Bưu điện, Dinh Thống đốc, Sở Thuế quan...; các công thự đó không chịu thua những tán cây muốn chiếm lĩnh trời xanh, luôn luôn vươn lên và trải rộng nhờ nhựa sống của thiên nhiên hào phóng.



Dinh Toàn quyền ở Sài Gòn

### Về người Bắc Kỳ:

Người An Nam ở Bắc Kỳ cần cù chịu khó, còn hơn cả người Nam Kỳ. Họ vạm vỡ hơn, cường kiện hơn. Khí hậu thì khá khắc nghiệt; họ không được thiên nhiên ban tặng những điều kiện thuận tiện cho sản xuất và vận tải. Bị bó buộc trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, nơi họ sống chen chúc, dân An Nam buộc một vùng đất chật hẹp phải sản sinh ra rất nhiều sản phẩm. Công việc đồng áng làm họ mất hầu hết thời gian trong năm. Những việc vận chuyển giao thông, hộ đê, tạp dịch

và những việc vặt thường nhật lấy gần hết toàn bộ thời gian còn lại. Họ làm việc tích cực không ngừng nghỉ.

### Về các thợ thủ công:

Các thợ thủ công Bắc Kỳ làm việc chăm chỉ và thuần thục. Họ thành công một cách đáng ngưỡng mộ trong các công việc đòi hỏi tỉ mỉ và tinh xảo. Họ có khiếu thẩm mỹ, và một số người trong bọn họ là những nghệ nhân thực sự. Những thợ đúc đồng, thợ kim hoàn, thợ khảm men huyền, thợ thêu, thợ điêu khắc, thợ khảm đã tạo được một tiếng tăm xứng đáng. Họ không phải là những người thợ bắt chước một nền nghệ thuật ngoại quốc. Dẫu vẽ bề ngoài của những sản vật lộ rõ mối quan hệ với những đồ vật Nhật Bản và Trung Hoa, thì chúng vẫn không phải được lấy cảm hứng từ đó; những người thợ đã tạo ra một nghệ thuật An Nam, với các hình mẫu và cách trang trí của chính họ.

[...]

Các thợ thêu trên lụa làm việc với một kỹ thuật không thể sánh được. Về mặt chăm chút và hoàn thiện công việc, đồ thêu ở Bắc Kỳ được làm tinh hơn đồ của Nhật Bản và Trung Hoa. Nhưng vào năm 1897, các bức thêu mang giá trị trang trí còn rất thấp. Đó là những bức thêu cảnh sinh hoạt của người An Nam hoặc các trận chiến huyền thoại, với một đám đông những nhân vật nhỏ xíu, con giống, đồ vật mà ta có thể ngưỡng mộ các chi tiết, nhưng về toàn cảnh chẳng có gì đẹp lẫn dễ coi. Kể từ đó trở đi, các thợ thêu An Nam đã lấy từ hệ thực vật phong phú của mình những nhân tố để tạo thành tác phẩm của họ. Họ đã thành công trong việc đem lại cho những tấm lụa thêu một hiệu ứng trang trí ngang tầm với người Nhật Bản, và họ đã không đánh mất sự ưu trội về tay nghề của họ.

Đồ gỗ gia dụng An Nam do những thợ chạm gỗ chế tạo, và chủ yếu gồm ghế tựa, bàn và tủ chè, có đường nét và hoa văn rất đẹp. Các bộ trường kỷ, món đồ trang trí trong những ngôi nhà truyền thống và trong đền chùa, hầu hết đều mang những nét đối xứng hài hòa; các hình chạm khắc trang trí trên đó thì đơn giản và thường rất đẹp. Nhưng sự thành công rực rỡ của người An Nam là nghệ thuật khảm trai trên gỗ. Họ đã khiến cho những bộ tủ chè và những thứ đồ gỗ nhỏ khảm trai như vậy của vùng này trở nên thực sự đáng chú ý và họ đã nổi danh ở vùng Viễn Đông. Những thợ khảm trai Trung Hoa, những người hình như đã truyền nghề của mình cho dân An Nam thì còn lâu mới sánh ngang hàng được với học trò của mình.

### Về giáo dục:

Trong các trường làng, người ta dạy các chữ cơ bản. Những quyển sách tập đọc mà họ trao vào tay lũ trẻ thì đúng là những tiểu kiệt tác thực sự, trong đó thể hiện tinh thần đạo đức của Khổng Tử với một ngôn ngữ đơn giản và đẹp, khắc ghi vào trí óc trẻ thơ. Ta chuyển từ quyển thứ nhất, hết sức đơn giản, hết sức cơ bản, dạy cho ta những phép tắc lễ nghĩa đầu tiên, lên đến quyển thứ hai là những vấn đề rộng hơn, sau đó lên quyển ba và cứ tiếp tục như thế. Đa phần các trường làng thấy rằng dạy chừng từ bốn đến năm quyển là đủ. Bọn trẻ học ở đó, cùng với một lượng chữ đủ để viết và trao đổi trong những tình huống đơn giản mà họ gặp nhau, những nguyên tắc đạo đức và những quy định ứng xử sẽ theo họ trong suốt cuộc đời. Đây hiển nhiên là một nền giáo dục chưa hoàn chỉnh; tuy nhiên nó đủ để làm cho một dân tộc cần cù, gắn bó với nhiệm vụ gia đình, hạnh phúc về mọi mặt khi những vấn đề bên ngoài không khiến họ lo lắng ưu phiền.

## Về tre Việt Nam:

Người dân Đông Dương dựng nhà bằng tre; mặt khác, kể cả khi một căn nhà được xây bằng gạch thì nó vẫn được bao bọc bởi một lũy tre lớn mà bản thân nó cũng đã chính là một công trình. Bờ rào, những chòi canh để trông coi hoặc để nghỉ chân khi đi săn, những cọc cừ bằng tre để ngăn sông xói mòn đất, những chiếc tời, vó và cần câu, tất cả các loại đồ dùng và dụng cụ đều được làm bằng tre. Khi đi đường, nếu cần dựng tạm lều trại, người An Nam cũng dễ dàng làm được khi có những cây tre ở ngay gần.



*Đô đốc Pottier (Ảnh trích từ sách)*

Tôi vẫn còn nhớ một ngày nọ ngài Đô đốc Pottier đã vô cùng sửng sốt thán phục khi được cây tre cứu khỏi tình huống khó khăn trên mạn thượng lưu sông Hồng. Tôi và vị Đô đốc tài giỏi này đã gặp nhau tại Lào Cai nơi chúng tôi cùng khánh thành cây cầu mà tôi đã cho xây dựng tại Nậm Thi để phục vụ cho tuyến đường sắt và đường bộ nối với Vân Nam. Lúc đó khoảng tháng Một năm 1902. Được tháp tùng bởi hai sĩ quan phụ tá và một đội lính khổ đỏ hộ tống, ngài Đô đốc lúc đi xe kéo, lúc đi kiệu trên con đường bộ bên sông hoặc tuyến đường sắt đang được xây dựng. Không phải cả 200 hay 250 cầu đường sắt đều đã thi công xong, nên việc đi lại vẫn khó khăn và chậm chạp.

Lịch trình đã được sắp xếp sao cho đoàn có thể ăn trưa, hoặc ít nhất là ăn tối và nghỉ ngơi tại một ngôi làng, hoặc trong một đồn bốt. Buổi chiều hôm ấy, ngài Đô đốc đã thắm mệt và chỉ có thể tiếp tục hành trình khi đã khá muộn và không theo đúng lịch trình đã lập. Màn đêm dần buông trong khi cả đoàn vẫn còn cách khá xa bốt nghỉ, nơi đã chuẩn bị sẵn đồ ăn và chăn. Họ buộc phải tạm nghỉ, nơi dừng chân là vùng đất nguy hiểm có hổ rình rập nên họ không đi tiếp được khi mặt trời đã lặn. Làm sao có thể ăn uống và nghỉ ngơi ở một nơi hoang dã như thế? Đoàn hộ tống có một ít gạo dự trữ của lính khổ đỏ và vài hộp thức ăn Âu, nhưng chẳng có đồ dùng nào khả dĩ để nấu ăn, và cũng không có gì để che chắn hay để tự vệ đề phòng sự tấn công của dã thú. Thật may là có những rặng tre mọc hai bên bờ sông Hồng, và những người lính khổ đỏ thì không rời tay khỏi những thanh mã tấu, một loại kiếm nhỏ hay dao dài bản địa. Với những thứ đó, ngài Đô đốc có thể yên tâm: ông sẽ có một chỗ nghỉ ngơi và ăn uống.

Không để mất thời gian, những người lính bắt tay ngay vào công việc. Chỉ trong vài phút, một hàng rào bằng tre dài và chắc chắn đã được dựng lên tạo thành một khu trại đủ rộng. Họ đã giải quyết được vấn đề dã thú. Sau đó ba chiếc lều được dựng, một cho ngài Đô đốc, một cho những sĩ quan, cái còn lại cho binh lính hộ tống. Ngài Đô đốc và những viên sĩ quan trong hoàn cảnh này đã có thể nghỉ ngơi thoải mái với những chiếc chõng tre, cao khoảng 40 đến 60 xăng-ti-mét và đàn hồi như một tấm nệm lò xo cùng những chiếc gối tiện dụng. Một ống tre lớn còn nguyên cả mắt, vốn chứa nước rất tốt, được khéo léo cắt từng khúc thành một cái gáo, cũng có thể coi là bát, xô hay chậu. Nhờ đó, trong khi những căn lều lán được dựng lên và hoàn tất, những người lính đi kiếm và lấy nước vào những gáo tre, nhóm lửa và chuẩn bị bữa tối. Gạo và đồ hộp được nấu trong những chiếc nồi kỳ lạ làm từ những cây tre. Vậy là chẳng khó gì để có được một bữa ăn, nhưng khi Đô đốc Pottier nhìn những thanh mã tấu trong tay của những người lính đeo gọt ra những chiếc đĩa, thìa và cả những chiếc đĩa bằng tre cũng có ba răng y như đĩa thật, ông thấy đó quả là một sự khéo léo phi thường! Rất lâu sau khi trở về Pháp, ngài Đô đốc vẫn kể lại câu chuyện và rất vui vẻ khoe một chiếc chần kỳ diệu, vốn được làm ra cấp thời cũng như căn lều và bữa tối của ông trong một thung lũng ở thượng lưu sông Hồng. Ông ghi nhớ những kỷ niệm về một buổi tối mà ông bất ngờ trải qua như thế cũng như về sự khéo tay đến kinh ngạc của những người An Nam.

## Về tệ nạn trong hệ thống quan lại và thái độ của Pháp:

Triều đình An Nam vẫn hoạt động tốt gần giống với tình trạng trước khi bị nước Pháp chinh phục. Hệ thống quan chế tại các tỉnh thành vẫn giữ nguyên; việc cai trị cũng vậy. Các quan lại sống tại những dinh thự đẹp đẽ được xây dựng theo kiểu hệ thống Vauban; họ cai trị, hành pháp và thu thuế dưới danh nghĩa triều đình. Quyền cai trị, hành pháp và thu thuế là những nguồn lợi trực tiếp của họ, là hồi lộ biểu xén và mọi loại bổng lộc khác. Đương sự của các vụ kiện, những người nộp thuế và những kẻ nô dịch sẽ dâng lên tất cả những gì họ có; những viên quan to hay nhỏ đều cố gắng bòn rút tối đa từ dân, và phần được đóng vào quốc khố chỉ là phần còn lại mà bọn họ không thể ăn chặn được. Đó là chế độ quân chủ quan liêu cũ trong đó các quan lại

lạm dụng quyền hành trên mọi mặt, mà không có dáng vẻ trung thực tự tại như những quan lại xưa kia. Những khiếm khuyết và những tệ nạn trong hệ thống vẫn tiếp tục hoành hành. Sự kiểm soát từ cấp cao nhằm ngăn chặn tệ nạn này bùng phát bằng hình phạt nếu cần thiết, rốt cuộc đã bị vô hiệu hóa và tê liệt. Đây không phải là một cuộc khủng hoảng hay một vấn nạn mà chính quyền Pháp cần quan tâm, cũng không phải là cái cớ để chúng ta can thiệp. Và như thế, vị Khâm sứ của chúng ta tại Huế hài lòng với việc giám sát Đức vua và triều đình, mà không cần hợp tác với họ; và ngay cả các Công sứ Pháp của chúng ta tại sáu hoặc tám tỉnh lớn vốn có nhiệm vụ đảm bảo việc duy trì trật tự mà không cần hợp tác với quan lại cũng không có nhiệm vụ kiểm soát các hành vi của quan lại. Chúng ta chỉ giới hạn ở mức bảo hộ cơ bản và đã không quan tâm đến việc cai trị cũng như tác động của nó lên sự phát triển kinh tế.

Có thể cho đến lúc đó chúng ta chưa thể làm tốt hơn và tiến xa hơn. Nhưng dù sao đi nữa thì nhất định không thể để tình hình này kéo dài hơn nữa. Cho dù là vì lợi ích của nước Pháp hay là vì lợi ích của người dân An Nam, thì đều cần phải áp dụng những phương thức quản lý và những chính sách kinh tế của nền văn minh châu Âu vào đất nước này. Nhiệm vụ này đặc biệt thú vị, tất cả cần phải được thực hiện từ đầu và chúng ta có thời gian, chúng ta có thể phát triển một kế hoạch toàn diện và tiến hành nó một cách nhịp nhàng, có phương pháp, không hấp tấp, không phô trương.

*Trích "Xứ Đông Dương"*

*Dịch bởi: Lưu Đình Tuấn, Hiệu Constant, Lê Đình Chi, Hoàng Long, Vũ Thúy Nguyễn Thừa Hỷ hiệu đính*

## KHI THỰC DÂN PHÁP BỐC LỘT

Ông Paul Doumer sau 1 nhiệm kỳ 5 năm làm Toàn quyền Đông Dương từ 1897 đến 1902 đã làm được các việc sau:

- Xây dựng tuyến đường sắt xuyên Đông Dương nối với Vân Nam;
- Xây dựng cầu sắt Long Biên nối hai bờ sông Hồng;
- Xây dựng cầu Việt Trì nối hai bờ sông Lô,
- Xây dựng cầu Quay Hải Phòng bắc qua sông Tam Bạc,
- Xây dựng cầu Hàm Rồng Thanh Hóa nối hai bờ sông Mã,
- Xây dựng cầu Trường Tiền nối hai bờ sông Hương,
- Xây dựng cầu Bình Lợi nối sông Sài Gòn;
- Mở mang đường sá nối Nam Kỳ và Trung Kỳ;
- Chấp thuận đề xuất của ông Yersin xây dựng thành phố Đà Lạt;
- Mở mang, xây dựng cảng Hải Phòng;
- Đưa Hà Nội là thành phố châu Á đầu tiên có điện...

Chỉ riêng trong xây dựng cầu đường mà ông biết dựng các trạm Mãi lộ thu tiền như các Trạm thu giá BOT ngày nay thì ông giàu to và nước Pháp cũng kiếm được khối tiền.

Có vẻ như ông là nhà quản trị và xây dựng tốt, nhưng là nhà thực dân kém. Thua xa hậu duệ nước An nam."

Ngọc Thảo